

**CÔNG TY TNHH GỖ CỬA NHÀ ĐẸP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GỖ CỬA NHÀ ĐẸP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GO CUA NHA DEP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GO CUA NHA DEP CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106934419

**3. Ngày thành lập:** 11/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 48 phố Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0919798886

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                | 2394     |
| 2.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                     | 2396     |
| 3.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                    | 2511     |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh    | 0118     |
| 5.  | Trồng cây ăn quả                                  | 0121     |
| 6.  | Trồng cây cao su                                  | 0125     |
| 7.  | Trồng cây lâu năm khác                            | 0129     |
| 8.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                     | 0150     |
| 9.  | Khai thác thủy sản biển                           | 0311     |
| 10. | Khai thác thủy sản nội địa                        | 0312     |
| 11. | Nuôi trồng thủy sản biển                          | 0321     |
| 12. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                       | 0322     |
| 13. | Chế biến và bảo quản rau quả                      | 1030     |
| 14. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                    | 1610     |
| 15. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 1621     |
| 16. | In ấn                                             | 1811     |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                          | 1812     |
| 18. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                     | 3100     |
| 19. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                        | 3240     |
| 20. | Xây dựng nhà các loại                             | 4100     |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ         | 4210     |
| 22. | Xây dựng công trình công ích                      | 4220     |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác        | 4290     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 30. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                      | 4633        |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                       | 4659        |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                     | 8299        |
| 34. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp | 7410(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 4.890.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC KHANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 27/12/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 090910088

Ngày cấp: 10/06/2013 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10, ngách 57 tổ 30, Phường Hương Sơn, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 158, ngõ 389 đường Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC KHANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 27/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 090910088

Ngày cấp: 10/06/2013

Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 10, ngách 57 tổ 30, Phường Hương Sơn, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 158, ngõ 389 đường Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội